

# PHÁP LUẬT TRONG HỆ THỐNG XÃ HỘI

ĐỖ THỊ KIM ĐỊNH\*  
VÕ KHÁNH VINH\*\*

**Tóm tắt:** Pháp luật có thể được phân tích theo các cách tiếp cận khác nhau, trong đó có cách tiếp cận xã hội học, theo cách tiếp cận này, pháp luật là một hiện tượng xã hội, gắn liền và tương tác với các hiện tượng xã hội khác trong xã hội, là một loại thể chế xã hội. Bài viết làm sáng tỏ pháp luật dưới các phương diện xã hội học đó.

**Từ khóa:** Pháp luật là một hiện tượng xã hội; pháp luật trong tương tác xã hội; pháp luật là một loại thể chế xã hội.

**Abstract:** Law can be analysed through various approaches, including sociological approach. In approach, law is a social phenomenon, that is closely interconnected and interacts with other social phenomena within society. It is considered a social institution. This article sheds light on law from sociological perspectives.

**Keywords:** Law is a social phenomenon; law in social interaction; law is a type of social institution.

Ngày nhận bài: 9/10/2023; Ngày sửa bài: 15/01/2024; Ngày duyệt đăng bài: 27/3/2024.

## Mở đầu

Dưới phương diện xã hội, pháp luật được nhận thức như thế nào? Có mối quan hệ như thế nào với sự vận động của xã hội, sự tương tác xã hội của các cá nhân trong xã hội? Bằng cách tiếp cận xã hội học pháp luật, bài viết này làm sáng tỏ một cách khái quát nhất pháp luật là một hiện tượng xã hội, vai trò của pháp luật trong tương tác xã hội, pháp luật là một loại thể chế xã hội.

### 1. Pháp luật là một hiện tượng xã hội

Pháp luật với tư cách là một hiện tượng xã hội có một số phương diện nhất định. Những phương diện đó gắn kết, tương tác với nhau, bổ sung cho nhau tạo thành cái chỉnh thể thống nhất - pháp luật là một hiện tượng xã hội.

*Pháp luật là quá trình và kết quả thể hiện nhu cầu vận động và phát triển của xã hội*

Việc phân tích pháp luật về mặt xã hội học, nhận thức pháp luật với tư cách là một cấu thành xã hội mang tính chất tự nhiên, tích cực có ý nghĩa quan trọng.

Pháp luật được hình thành trong quá trình tương tác lẫn nhau về mặt xã hội và ở nghĩa đó là *tự nhiên*. Các nhà luật học giải thích khác nhau về khái niệm “tự nhiên” - đó là bản chất vật lý, vũ trụ, bản chất của con người, là thể giới của các quan hệ chính trị - xã hội, nói gọn lại, là tất cả những gì “không nhân tạo”, “nguyên bản”, “cái thứ nhất”<sup>1</sup>. Khi phân tích pháp luật ở phương diện xã hội học, cần phải tiến hành so sánh sự hình thành pháp luật với sự hình thành các quan hệ thị trường, xuất hiện một cách tự nhiên trong xã hội mà không có bất cứ kế hoạch nào đã được dự định trước của bất cứ ai. Cũng như vậy, mọi người đã biết đến việc so sánh sự ra đời của pháp luật một cách tự nhiên với sự phát triển của ngôn ngữ.

\* TS., Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội; Email: kimdinh.gass@gmail.com

\*\* GS.TS. Nguyên Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Email: vokhanhvinh.vass@gmail.com

<sup>1</sup> Xem: Nersesyanc V.S. Pháp luật - toán học của tự do. Mátxcova 1996, tr.20 (bản tiếng Nga).

Chúng ta lấy ngôn ngữ làm ví dụ. M. Friedman viết rằng, “ngôn ngữ là cấu trúc phức tạp, được thay đổi và phát triển. Cấu trúc đó được trật tự hóa một cách nghiêm ngặt, cho dù không có bất kỳ cơ quan trung tâm nào lên kế hoạch cho nó. Không một ai đưa ra quyết định mang tính chuyên môn, các từ vựng như thế nào cần phải đưa vào từ điển của chúng ta, các quy tắc ngữ pháp như thế nào cần phải được thông qua, coi cái gì là danh từ, coi cái gì là tính từ... Chính ngôn ngữ được phát triển như thế nào? Quá trình đó phần lớn giống với sự phát triển của cơ cấu kinh tế đã được trật tự hóa nhờ có thị trường. Ngôn ngữ được hình thành do có sự tương tác tự nguyện của các cá nhân cụ thể, các cá nhân trong trường hợp này thay bằng việc trao đổi các hàng hóa và các dịch vụ, mong muốn trao đổi các tư tưởng, thông tin, hoặc trao đổi các chuyện đơm đặt và các tin đồn một cách đơn giản... Ngữ pháp được phát triển và tiếp đến được ghi nhận trong bộ các quy tắc. Từ hai người cùng chơi, những người mong muốn giao tiếp với nhau, cả hai đều có lợi do có việc đi đến thỏa thuận một cách tương đối về ý nghĩa của các từ được sử dụng. Theo mức độ ngày càng có nhiều người và có nhiều người hơn tìm thấy tính hữu ích và tính có lợi khi giao tiếp với nhiều người khác, các từ được sử dụng chung được phổ biến ngày càng rộng hơn và ý nghĩa của chúng được ghi nhận trong các quyển từ điển”<sup>2</sup>.

Như vậy, từ quan điểm xã hội học, pháp luật là một hiện tượng xã hội, không phải bao giờ cũng đồng nhất với ý chí của nhà làm luật, với các văn bản pháp luật, ở hiện

tượng đó, tổng thể các quy luật, tính tất yếu, thuộc tính, đòi hỏi và quy tắc khách quan của đời sống xã hội, chính trị - xã hội được thể hiện<sup>3</sup>.

Tuy vậy, đối với nhà xã hội học, pháp luật với tư cách là một hiện tượng xã hội, bao gồm cả pháp luật thực chứng. R. Z. Livshic cho rằng, “Pháp luật thực chứng, trước hết là tổng thể các quy phạm điều chỉnh các quan hệ xã hội. Pháp luật thực chứng bao giờ cũng là kết quả hoạt động của công quyền... Trong pháp luật thực chứng, nhà nước tập trung hóa các quy phạm đã được thực nghiệm và các quan hệ xã hội do các quy phạm đó điều chỉnh. Pháp luật thực chứng - đó là pháp luật đang tồn tại. Đối với nhà nghiên cứu và cả đối với người áp dụng pháp luật, trước hết pháp luật được hình dung là pháp luật thực chứng, ở đó tính chất quy phạm của pháp luật được tập trung hóa và tính bắt buộc quy định của nó được hình thành. Bản chất của pháp luật không thể được hình dung ở bên ngoài pháp luật thực chứng”<sup>4</sup>.

*Pháp luật được hình thành và vận động trong quá trình tương tác xã hội*

Ở đâu có tương tác xã hội thì ở đó pháp luật được hình thành, vận động và phát triển; ở đâu không có tương tác xã hội thì ở đó pháp luật không được hình thành, vận động và phát triển. Chẳng hạn, với Robinson Crusoe sống trên đảo một mình, tìm kiếm đồ ăn, trồng trọt vườn rau và chăm sóc các con vật, trước cuộc gặp với Ngày thứ sáu, pháp luật không có quan hệ gì đối với cuộc sống của anh ta, bị tước mất mọi ý nghĩa.

<sup>2</sup> Friedman M. Chủ nghĩa tư bản và tự do// Friedman và Hajek về tự do, Minsk, 1990, tr. 49 (bản tiếng Nga).

<sup>3</sup> Xem: Nersesyanc V.S. Pháp luật - toán học của tự do. Mátxcova 1996, tr.20 (bản tiếng Nga).

<sup>4</sup> Livshic R. Z. Về bản chất hai mặt mâu thuẫn của pháp luật//Soạn thảo và ban hành các đạo luật trong nhà nước pháp quyền. Mátxcova 1998, tr. 284 (bản tiếng Nga).

Trong quá trình phát triển của xã hội loài người, quá trình tương tác xã hội được gia tăng cả về lượng lẫn về chất, do vậy, cũng tác động đến sự hình thành, vận động và phát triển của pháp luật. Đặc biệt quá trình toàn cầu hóa, khu vực hóa trong thời đại ngày nay, quá trình đổi mới, cải cách sâu rộng ở từng quốc gia hiện nay đã và đang tạo ra các tương tác xã hội mới, tác động rất lớn đến pháp luật, từ nhận thức cho đến thực tiễn.

*Pháp luật gắn liền với kiểu tổ chức hệ thống xã hội và các giá trị được coi là ưu tiên trong xã hội đó*

Về nguyên tắc, có thể nói đến hai kiểu tổ chức xã hội và điều chỉnh xã hội mang tính lý tưởng: trường phái lấy cá nhân làm trung tâm và trường phái lấy xã hội làm trung tâm. Ý nghĩa và các mục tiêu của xã hội theo định hướng cá nhân làm trung tâm - đó là con người và tự do của con người. Trong khởi điểm phát triển lâu dài về mặt lịch sử của chủ nghĩa cá nhân, “các tiêu chuẩn” của nó không được phổ biến cho tất cả các thành viên của xã hội, ví dụ, như điều đó đã từng có ở Hy Lạp cổ đại.

Những biến đổi tịnh tiến trong lịch sử của nền văn minh nhân loại cho thấy rằng, tự do của con người trong xã hội được ưu tiên ngày càng lớn hơn và được thể hiện rõ hơn về mặt hình thức. Từ thời đại Mới các quyền và tự do của con người được ghi nhận về mặt pháp luật, sự vi phạm các quyền và tự do đó bị coi là sự xâm phạm không thể chấp nhận được đối với các nền tảng và giá trị của xã hội<sup>5</sup>.

Trong các xã hội theo định hướng xã hội làm trung tâm, con người - không phải

là cá thể tự do, không phải là cá nhân độc lập và tự đầy đủ mà là phương tiện để thực hiện cái được gọi là các mục tiêu xã hội<sup>6</sup>.

Pháp luật và kiểu hệ thống xã hội gắn liền chặt chẽ với nhau. Trong các nền văn minh ban đầu theo định hướng tập trung hóa đã xuất hiện như các cộng đồng bộ lạc, có các quy phạm độc quyền, duy nhất tồn tại, tức là các quy phạm tập trung hóa, bảo đảm cho việc thể chế hóa một cách nghiêm khắc đời sống con người trong cộng đồng. Muộn hơn, nền văn minh La Mã - Hy Lạp được hình thành, mang trong mình các nền tảng của chủ nghĩa trung phái cá nhân học. Ở đây, các quy phạm tập trung hóa bị phân rã, một mặt, gắn liền với sự hình thành đạo đức và tôn giáo cho phép tự do tư tưởng, mặt khác, gắn liền với sự xuất hiện các quy phạm pháp luật ghi nhận các quan hệ sở hữu tư nhân và sự bình đẳng của những người tự do. Sự xuất hiện nền văn minh Thiên Chúa giáo dẫn đến sự phục sinh chủ nghĩa trung phái cá nhân học La Mã - Hy Lạp (chẳng hạn, tôn giáo, đạo đức đạo Tin Lành cá nhân học được hình thành) và xuất hiện hệ tư tưởng về các quyền tự nhiên và không thể bị tước đoạt của con người. Cuộc cách mạng “lịch mới” đã đóng vai trò quan trọng trong sự hình thành mô hình pháp luật lấy cá nhân làm trung tâm ở châu Âu Thiên Chúa giáo, bởi vì cuộc cách mạng đó được tiến hành vì cái được gọi là tự do của nhà thờ và dẫn đến sự ra đời pháp luật tôn giáo (giáo luật)<sup>7</sup>.

Như vậy, pháp luật với tư cách là một hiện tượng xã hội được quyết định bởi hệ thống các giá trị xã hội, tính chất của các

<sup>5</sup> Xã hội học pháp lý, *Glazyrin V. A* chủ biên, Mátxcova 2000, tr.111 (bản tiếng Nga).

<sup>6</sup> Xã hội học pháp lý, *Glazyrin V. A* chủ biên, Mátxcova 2000, tr.111 (bản tiếng Nga).

<sup>7</sup> Xem: *Berman G. Dzh.* Truyền thống pháp luật phương Tây: Thời đại hình thành, Mátxcova 1998, tr.61-258 (bản tiếng Nga).

quan hệ xã hội được hình thành trong các mô hình xã hội lấy xã hội làm trung tâm hoặc mô hình xã hội lấy cá nhân làm trung tâm.

*Trong xã hội học, pháp luật được xem xét thông qua lăng kính lợi ích của mọi người, lợi ích của các nhóm xã hội, xã hội.*

Trong trường hợp này, vấn đề được người nghiên cứu quan tâm có thể được thể hiện như sau: trong pháp luật có hay không có lợi ích của các chủ thể của đời sống xã hội và nếu như có thì lợi ích đó được thể hiện ở đâu?

Trong xã hội châu Âu mới, xã hội theo mô hình thăng tiến hay thành tích cá nhân với tư cách một trong những giá trị xã hội cơ bản, quan điểm về con người với tư cách là thực thể định hướng đến việc thu nhận các kết quả, thành tích mang tính chất cá nhân là thực tế. Nhưng để làm được điều đó đòi hỏi con người phải có ý chí, sự kiên trì, các khả năng, tài năng và một chút thành công. Thành tích là chỉ số xã hội về “sự sung túc cá nhân và xã hội” của con người. “Được ở” trong cuộc sống, theo thực chất, có nghĩa là trở thành sung túc, giàu có. Do đó, lợi ích của cá nhân thể hiện ở việc đạt được thành tích, có được địa vị và danh giá “người giàu có”. Trước chúng ta, có một mô hình có thể được gọi một cách có điều kiện là “con người - thành đạt”.

“Con người - thành đạt” đòi hỏi phải nỗ lực và mong muốn có lợi ích, có thành tích. Đó là mô hình con người kiểu mẫu trong xã hội đương đại.

Tất cả mọi người đều cố gắng có thành tích, nhưng các nguồn lực có giới hạn.

Trong cạnh tranh, chính người tháo vát sẽ chiến thắng, nhưng chỉ khi cuộc cạnh tranh được diễn ra theo các nguyên tắc. Trong trường hợp ngược lại, chiến thắng sẽ thuộc về kẻ mạnh theo pháp luật của kẻ mạnh hoặc thuộc về người có các đặc quyền, hoặc quyền lực sẽ thắng theo pháp luật của nhà nước<sup>8</sup>. Như vậy, con người ích kỷ còn cần cái gì đó nữa để có được thành tích, cho việc thực hiện các lợi ích cá nhân của mình ngoài tài năng và sự kiên trì. Theo thực chất, ở anh ta không có sự lựa chọn - “hoặc là sự chuyên quyền, pháp luật của kẻ mạnh, hoặc là pháp luật. Kết cuộc là, các cá nhân chăm lo cho lợi ích của mình đều quan tâm đến pháp luật.

“Lợi ích - lợi lộc - pháp luật” - đó là hệ thống ràng buộc lẫn nhau và phụ thuộc lẫn nhau<sup>9</sup>. Lợi ích trong pháp luật của người ích kỷ được thể hiện trong sự quan tâm mang tính cá nhân của anh ta đối với việc tạo dựng được các hình thức quan hệ xã hội ổn định, vững chắc, các hình thức đưa ra các cơ hội bình đẳng mang tính hình thức để có được thành tích trong xã hội. Tuy vậy, đời sống xã hội - không đơn giản là các mỹ từ đẹp đẽ nào đó về cái đúng đắn và cái không đúng đắn, về cái cần phải có và về cái bị cấm, về cái gì có thể làm và cái gì không thể làm mà vì thế lĩnh vực lợi ích pháp luật của các chủ thể tham gia các quan hệ xã hội trải dài, tỏa rộng vào lĩnh vực của các bảo đảm về mặt lập pháp, tố tụng và áp dụng pháp luật.

Chuyển dịch việc nghiên cứu pháp luật vào lĩnh vực lợi ích của các cá nhân cho thấy rằng, pháp luật được bắt đầu từ các thỉnh cầu, việc làm cho các thỉnh cầu đó có được hình thức pháp lý và xây dựng các bảo

<sup>8</sup> Xem: Alekseev S.S. Triết học pháp luật, Mátxcova 1998, tr.64-78 (bản tiếng Nga).

<sup>9</sup> Xã hội học pháp lý, Glazyrin V. A chủ biên, Mátxcova 2000, tr.113 (bản tiếng Nga).

đảm pháp luật cho việc thực hiện các thỉnh cầu nhất định.

*Pháp luật, khi đã được xuất hiện từ các nhu cầu của các chủ thể của các tương tác xã hội, trở thành sức mạnh xã hội “độc lập” điều chỉnh, xác định đời sống xã hội.*

Pháp luật làm thay đổi “hệ thống tọa độ xã hội” của hành vi trong đời sống của con người. Theo G. Zimmel<sup>1</sup>, các mong muốn, lợi ích của con người bây giờ được thực hiện chỉ bởi vì được pháp luật thúc giục và ủng hộ, cứ để ngay cả trái với cuộc sống sinh ra và tồn tại trước đó của họ: Fiat

$$\boxed{\begin{matrix} \text{Xã hội} \\ \text{(hệ thống xã hội)} \end{matrix}} = \sum \boxed{\begin{matrix} \text{Các cá nhân} + \\ \text{Các tương tác} \\ \text{xã hội lẫn nhau} \end{matrix}}$$

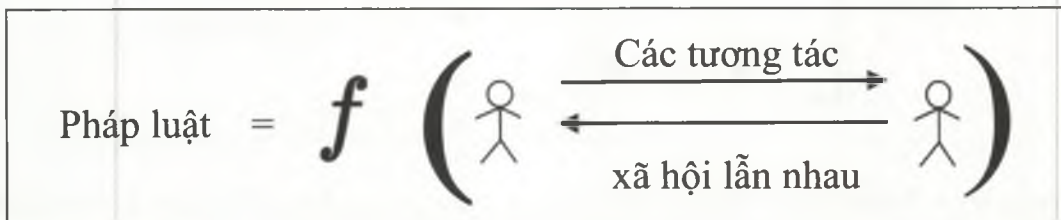
Bởi vì các cá nhân, là các thành viên của cộng đồng, ở trong các mối quan hệ tương tác lẫn nhau, do đó, một trong những đặc điểm đặc trưng trong các quan hệ của họ là tính quy phạm. Cũng tương tự như vậy, mối tương quan của nhu cầu và mức cung trong các quan hệ thị trường được xác lập một cách khách quan, và cũng như vậy các quy phạm xã hội và pháp luật cũng được

justicia, pereat mundus (cứ để xét xử được thực hiện, ngay cả giết chết thế giới). Do đó, cho dù hành vi phù hợp với pháp luật bắt nguồn từ trong các mục đích của đời sống xã hội... nó không phải là công cụ hay phương tiện, mà ngược lại, là phương thức tổ chức vật chất của đời sống”<sup>10</sup>.

## 2. Pháp luật trong tương tác xã hội

Mọi xã hội với tư cách là một hệ thống xã hội bao gồm các cá nhân cụ thể với tư cách là các yếu tố ở trong sự tương tác lẫn nhau của nó:

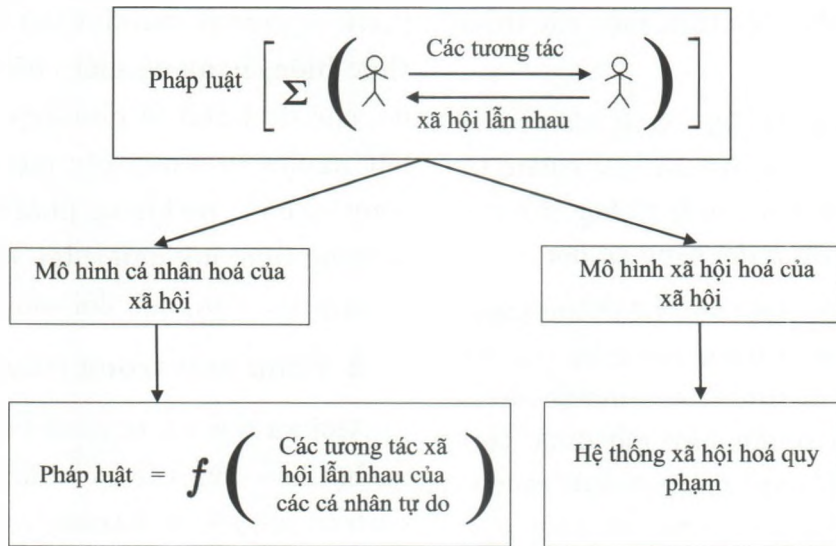
hình thành một cách khách quan. Một khi các tương tác của các cá nhân được quy phạm hóa (bởi vì đời sống trong xã hội đòi hỏi phải có cả mức độ tối thiểu của sự thích nghi lẫn nhau của những người tham gia các quan hệ), thì *pháp luật gắn liền mang tính chức năng với các tương tác xã hội của các cá nhân*:



Giá trị chủ yếu của mô hình xã hội lấy con người làm trung tâm, các quyền và tự do của con người. Do đó, pháp luật khi có các dấu hiệu của tính quy phạm, tính bắt buộc chung và khả năng cưỡng chế về mặt nhà nước để bảo đảm hiệu lực của nó, là

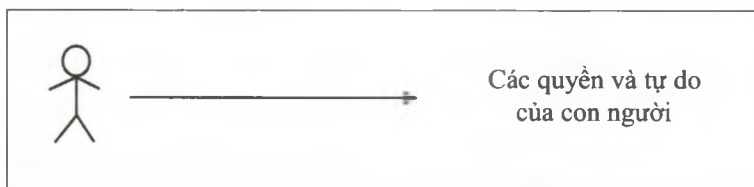
một mặt của các quan hệ xã hội được định trước để bảo đảm tự do của các cá nhân và hoạt động sống của họ. Dưới dạng khái quát nhất có thể nói rằng, *pháp luật là hình thức, mức độ của tự do xã hội*:

<sup>10</sup> Trích theo Xã hội học pháp lý, Glazyrin V. A chủ biên, Mátxcova 2000, tr.111 (bản tiếng Nga).

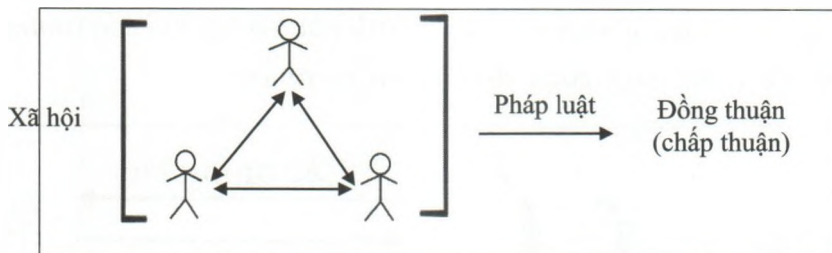


Pháp luật có hiệu lực, tác động và thực hiện các chức năng xã hội dưới các loại tương tác xã hội khác nhau. Ví dụ:

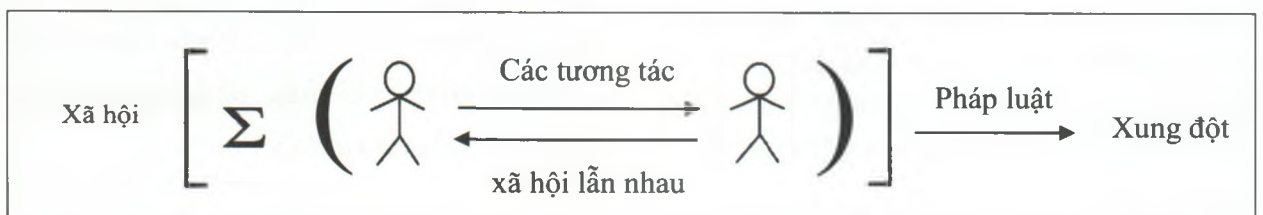
1) Trong việc bảo đảm các quyền và tự do của con người:



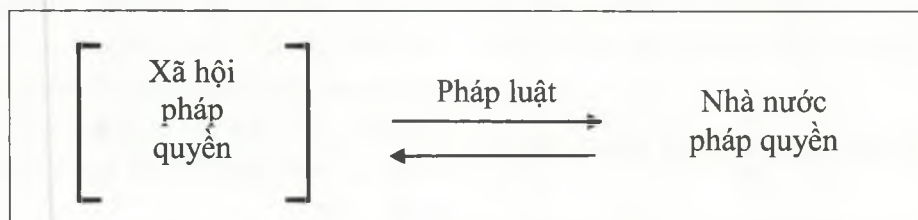
2) Trong việc đạt được sự đồng thuận xã hội của những cá nhân và nhóm theo đuổi các lợi ích ích kỷ và nhóm:



3) Trong việc “khắc phục” nguồn gốc của các cuộc xung đột xã hội trong điều kiện hạn chế về các nguồn lực tự nhiên và xã hội, sự bất bình đẳng trong việc tiếp cận đến các nguồn lực đó, cũng như các trường hợp xuất hiện các xung đột - tìm kiếm các hình thức pháp lý để giải quyết chúng:



4) Trong việc hình thành nhà nước pháp quyền để bảo đảm các quyền và tự do của con người, công dân, hình thành các thể chế của xã hội pháp quyền:



Pháp luật không nói bất cứ điều gì về việc chính các cá nhân sử dụng như thế nào các khả năng xã hội và tự do. Con người giải quyết những vấn đề của mình một cách độc lập. Pháp luật không chỉnh sửa mọi người, không làm cho họ đạo đức hơn, chân thật hơn, được đề cao hơn. Đó là lĩnh vực của các giá trị đạo đức và tôn giáo. Pháp luật cũng không phải là phương thức xác lập sự bình đẳng xã hội theo kiểu cào bằng, bình đẳng các thành tựu.

Có lẽ, sứ mệnh của pháp luật trong xã hội tốt nhất là được mở ra trong mô hình trò chơi “mèo - chuột”. Pháp luật buộc “mèo” duy trì đời sống và lĩnh vực hoạt động tự do cho “chuột”. “Mèo” hòa thuận với điều đó, nhưng làm tất cả những điều tùy thuộc vào chính mình để sức mạnh và sự thống trị của nó vẫn không thay đổi. Trò chơi đó - là mô hình xã hội mang tính thẩm kịch giữa những người có quyền lực, sự ảnh hưởng, sức mạnh, sự giàu có và những ai có những thang bậc thấp nhất trong đẳng cấp xã hội<sup>11</sup>.

Ngoài điều đó ra, trong xã hội bao giờ cũng đã có và sẽ có những công dân và tổ chức, bao gồm cả những cán bộ, công chức, viên chức nhà nước lẫn tránh pháp luật. Trong trường hợp đó, pháp luật buộc phải thể hiện cấu thành “sức mạnh” của mình, cố gắng duy trì trật tự pháp luật, tính ổn định của tổ chức xã hội.

Việc xác lập mức độ, phạm vi bình đẳng mang tính hình thức trong các quan hệ xã hội là cơ chế pháp lý của việc giải quyết các mâu thuẫn, xung đột xã hội. Trong lịch sử văn minh nhân loại không có cơ chế xã hội khác như vậy. Các quan hệ xã hội được thể hiện dưới hình thức pháp luật tạo ra các điều kiện cho việc giải phóng tiềm năng sáng tạo của con người, nguồn gốc phồn vinh của cá nhân và sự phát triển xã hội. Pháp luật không làm bình quân hóa mọi người, không phải là chướng ngại vật về mặt xã hội đối với sự nghiệp, công danh, việc đạt được các quy chế xã hội mang tính thượng lưu, sự giàu có, quyền lực, nhưng ngăn cản trong xã hội tự do trong việc biến sức mạnh xã hội và địa vị đặc quyền của những người, nhóm người cụ thể thành các đặc quyền xã hội, các quyền đặc biệt được pháp luật quy định. Tính đẳng cấp, thứ bậc, sự thống trị, sự phục tùng bao giờ cũng có trong xã hội. Nhưng pháp luật là hiện thực, bởi vì tài năng và ý chí cho phép mọi người sống một cách có giá trị và sung túc, tiến lên phía trước theo các nấc thang của thứ bậc xã hội và sự thành công.

### 3. Pháp luật là một loại thể chế xã hội

3.1. Các thể chế xã hội là những hình thức tổ chức các quan hệ xã hội và là một trong những yếu tố cơ bản của cơ cấu xã hội. Thuật ngữ này được sử dụng một cách

<sup>11</sup> Xã hội học pháp lý, Glazyrin V. A chủ biên, Mátxcova 2000, tr.116 (bản tiếng Nga).

*rộng rãi để mô tả các thực tiễn xã hội phổ biến và ổn định lâu dài, được thừa nhận và củng cố với sự trợ giúp của các quy phạm xã hội và có ý nghĩa quan trọng trong cơ cấu của xã hội.*

Các thể chế xã hội có các đặc điểm chung sau đây:

1) *Các thể chế xã hội là tổng thể các tiêu chuẩn (khuôn mẫu) hành vi được định hướng một cách hợp lý trong các tình huống phổ biến.* Các tiêu chuẩn hành vi đó cần phải được thực hiện không tùy thuộc vào thái độ cá nhân của những cá nhân đối với chúng khi các cá nhân đó chịu hiệu lực tác động của chế định đó: “Đạo luật có thể là không tốt, nhưng đó là đạo luật và cần phải thực hiện nó”.

Nền tảng xuất hiện các thể chế xã hội là các nhu cầu xã hội, tức là các nhu cầu thường được gọi là các nhu cầu xã hội mang tính nền tảng. Nếu không làm thỏa mãn các nhu cầu đó thì xã hội không thể vận động một cách ổn định, vững chắc. Do ý nghĩa đặc biệt của các nhu cầu xã hội mang tính nền tảng đối với xã hội mà hình thành nên các cơ chế xã hội có mục tiêu là thiết lập nên các điều kiện, các phương thức, hình thức bảo đảm “một cách vô điều kiện” việc thực hiện các nhu cầu đó. Chính các cơ chế xã hội như vậy là các thể chế xã hội như: 1) Các thể chế kinh tế - các thể chế tạo dựng sự hình thành nền tảng vật chất của đời sống mọi người và tính ổn định của xã hội; 2) Các thể chế chính trị - các thể chế điều chỉnh các quan hệ quyền lực và việc tiếp cận quyền lực, an ninh đối nội và an ninh đối ngoại; 3) Các thể chế hôn nhân và gia đình - thể chế bảo đảm sự tái sản xuất con người và xã hội hóa con người, trước hết thế hệ trẻ; 4) Các thể chế văn hóa - các thể chế gắn liền với giáo dục, hoạt động khoa học và công nghệ, văn học, nghệ thuật, tôn

giáo. Trong thế giới đương đại, các thể chế xã hội ngày càng có ý nghĩa quan trọng là các thể chế xã hội về y tế, môi trường - các thể chế xã hội điều chỉnh các quan hệ xã hội trong lĩnh vực y tế và môi trường. Cùng với các thể chế xã hội nói trên pháp luật cũng là một thể chế xã hội - thể chế xã hội pháp luật.

2) *Các thể chế xã hội có các chức năng hướng đến việc đạt được các mục tiêu của chúng - làm thỏa mãn các nhu cầu xã hội.* Để thực hiện các chức năng mọi thể chế đều có các nguồn lực - nhân lực, tổ chức, tài chính, vật chất và các nguồn lực khác.

3) *Các thể chế xã hội hình thành hệ thống các quy chế và vai trò xã hội mà với sự hỗ trợ của chúng tổ chức nên các vị trí, địa vị xã hội, xây dựng nên thứ bậc các vị trí, địa vị xã hội với các quyền hạn và nghĩa vụ được thể chế hóa và các nguồn lực, cũng như tổng thể các mong đợi các kiểu hành vi để thực hiện các vai trò nhất định.*

4) *Các thể chế xã hội có phương diện “tư tưởng - văn hóa”.* Đối với nhà nước - đó là Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca, Quốc khánh, Thủ đô, hệ tư tưởng về tính ổn định của Hiến pháp; đối với tư pháp đó là biểu tượng của công lý, công bằng, tính thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, trật tự pháp luật, pháp chế; đối với kinh doanh - đó là dấu hiệu, thương hiệu doanh nghiệp và hàng hóa, hệ tư tưởng tự do kinh doanh, các cam kết và nghĩa vụ của các hợp đồng; đối với tôn giáo - đó là các giá trị tôn giáo giáo luật, các nghi lễ tôn giáo, các hành vi tôn giáo; đối với các cặp vợ chồng - đó là nhẫn cưới, nghi lễ kết hôn.

5) *Các thể chế xã hội có phương diện quy phạm.* Đối với nhà nước - đó là Hiến pháp, các bộ luật, các luật và các văn bản quy phạm pháp luật khác; đối với kinh doanh - đó là pháp luật kinh tế, đạo đức và



văn hóa kinh doanh, các hợp đồng; đối với người làm công ăn lương - đó là chế độ tiền lương, chế độ thưởng, phạt, các vị trí việc làm, chức vụ. Phương diện quy phạm và hệ thống chế tài bảo đảm cho việc khuyến khích hành vi mong đợi và phòng ngừa hành vi lệch chuẩn.

Các thể chế xã hội có thể được đánh giá từ quan điểm hình thức thể hiện bên ngoài và bên trong (nội dung) của chúng. Thể chế xã hội nhìn về bên ngoài như là tổng thể các cơ quan, tổ chức có các phương tiện nhất định và thực hiện hoạt động nhất định để thực hiện các mục tiêu của mình. Từ phương diện bên trong (nội dung) - đó là sự tuyển lựa nhất định các tiêu chuẩn được định hướng một các hợp lý của hoạt động, hành vi. Chẳng hạn, nếu như chúng ta xem xét tư pháp như một thể chế xã hội, thì nhìn từ bên ngoài - đó là tổng thể những người (Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Luật sư,...), các cơ quan (Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan điều tra, cơ quan thi hành án và các cơ quan khác) với các phương tiện vật chất, tài chính, cán bộ, nhưng nhìn từ bên trong (nội dung) - đó là tổng thể tất cả các mô hình hành vi đã được tiêu chuẩn hóa của những người có chức vụ, quyền hạn thực hiện các chức năng xã hội nhất định. Các tiêu chuẩn hành vi được thể hiện trong các vai trò xã hội (Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên, Luật sư,...).

**3.2. Pháp luật khi được xem xét như một thể chế xã hội cũng vốn có tất cả các đặc điểm chung của các thể chế xã hội. Pháp luật với tư cách là một loại thể chế xã hội có các đặc điểm sau.**

*i) Pháp luật là yếu tố quan trọng nhất của trật tự pháp luật.* Pháp luật có sứ mệnh bảo đảm tính ổn định, an ninh xã hội chung bằng sức mạnh điều chỉnh của các

đạo luật và việc thực hiện các đạo luật đó; bảo đảm an ninh cho công dân, xã hội khỏi các biểu hiện khác nhau của sự đàn áp, bạo lực, các hậu quả khác nhau của các xung đột phá hoại xã hội; bảo đảm tính có trật tự, tính tiên liệu được trong các quan hệ xã hội, làm cho chúng trở thành các điều kiện xã hội chung.

*ii) Pháp luật thuộc về các thể chế mang tính liên kết.* Các quy phạm pháp luật, các văn bản quy phạm pháp luật tác động đến tất cả các mặt quan trọng nhất của đời sống con người, hoạt động của các cơ quan nhà nước, các tổ chức. Do đó, ở phương diện thể chế, pháp luật thể hiện là một trong những bộ khung gắn kết, liên kết xã hội.

*iii) Pháp luật là cấu thành mang tính quy phạm,* tức là xác định các giới hạn của cái cho phép trong hành vi của mọi người, các khuôn khổ pháp lý trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, thể hiện nhà nước dưới các hình thức pháp lý; và bằng cách đó tham gia vào sự hình thành các cơ cấu của xã hội và điều chỉnh các quan hệ xã hội.

*iv) Pháp luật được xem xét dưới phương diện thể chế, được khách quan hóa trong các văn bản pháp luật.* Hiệu quả của pháp luật trong quan hệ này gắn liền với nhà nước và dựa vào sức mạnh. Trong cách tiếp cận thể chế đến nhận thức pháp luật điều có ý nghĩa quan trọng không chỉ là quan niệm cho rằng, do các đặc điểm như (tính vị tha, sự đối trá, việc sợ hình phạt) mọi người tuân thủ các quy phạm pháp luật mà còn bởi vì rằng, họ tuân thủ pháp luật vì xã hội đòi hỏi họ điều đó. Do đó, nếu như con người từ chối tuân thủ các quy định của pháp luật thì xã hội buộc họ phải tuân thủ các quy định đó, và khi cần thiết áp dụng các biện pháp mang tính chất cưỡng chế, củng cố nguyên tắc: “sức mạnh cần phải đứng đằng sau đạo luật”.

v) *Pháp luật là một bộ phận của kiểm soát xã hội tồn tại trong xã hội.* Ở đây, kiểm soát có thể được xác định như là “phương thức tự điều chỉnh của hệ thống xã hội, bảo đảm sự tương tác lẫn nhau một cách có trật tự của các yếu tố cấu thành nên hệ thống xã hội bằng sự điều chỉnh quy phạm (trong đó có điều chỉnh pháp luật). Các lĩnh vực của kiểm soát xã hội được bắt đầu từ các nhóm nhỏ mang tính thứ nhất - đó là gia đình, những người bạn; trong các nhóm lớn hơn có sự kiểm soát của nhóm nghề nghiệp, các thành viên của câu lạc bộ, của các tổ chức xã hội; cuối cùng, có sự kiểm soát xã hội của nhóm bên ngoài; đạo đức, tập quán, tôn giáo và kiểm soát pháp lý - xã hội.

vi) *Pháp luật gắn liền chặt chẽ với các thể chế chính trị của xã hội,* do vậy, đó là một công cụ của chính trị. Nội dung của pháp luật và việc áp dụng pháp luật ở mức độ nhiều hơn hoặc ít hơn đều gắn liền với sự đồng thuận về mặt xã hội và chính trị trong xã hội.

vii) *Pháp luật là một bộ phận của hệ thống giá trị văn hóa - xã hội của xã hội,* nó phản ánh và thể hiện các giá trị thống trị trong xã hội.

Các đặc điểm nói trên của thể chế xã hội - pháp luật cho chúng ta thấy các mô hình về các hoạt động, ứng xử của các chủ thể trong xã hội và ngay cả hình thành nên các mong đợi của chúng ta về các hoạt động và ứng xử như vậy. Các hoạt động, ứng xử như vậy là hữu ích, được xã hội ủng hộ, khuyến khích. Còn trong trường hợp vượt ra ngoài phạm vi các mô hình đó thì có sự cưỡng chế, kiểm soát tương ứng.

Như vậy, pháp luật là một hiện tượng xã hội, ra đời trong tương tác xã hội, là một loại thể chế xã hội. Pháp luật với tư cách là một hiện tượng xã hội được thể hiện ở các phương diện khác nhau. Pháp luật gắn

liên mang tính chức năng với các tương tác xã hội của các cá nhân, là hình thức, mức độ của tự do xã hội, có hiệu lực, tác động và thực hiện các chức năng xã hội dưới các loại tương tác xã hội khác nhau. Pháp luật là một loại thể chế xã hội có các đặc điểm chung của mình: là yếu tố quan trọng nhất của trật tự pháp luật, thuộc về các thể chế mang tính liên kết, là cấu thành mang tính quy phạm, được khách quan hóa trong các văn bản pháp luật, gắn liền chặt chẽ với các thể chế chính trị của xã hội, là một bộ phận của hệ thống giá trị văn hóa - xã hội của xã hội.

### Kết luận

Pháp luật là một hiện tượng xã hội, gắn liền với sự vận động và phát triển của xã hội, gắn liền với tương tác xã hội giữa mọi người, là một loại thể chế xã hội, đóng vai trò quan trọng trong điều chỉnh các quan hệ xã hội.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Võ Khánh Vinh (2020), *Xã hội học pháp luật*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Nersesyanc V.S. *Pháp luật - toán học của tự do*. Mátxcơva 1996 (bản tiếng Nga).
3. Friedman M. Chủ nghĩa tư bản và tự do//Friedman và Hajek về tự do, Minsk, 1990 (bản tiếng Nga).
4. Livshic R. Z., (1998) *Về bản chất hai mặt mâu thuẫn của pháp luật//Soạn thảo và ban hành các đạo luật trong nhà nước pháp quyền*. Mátxcơva, (bản tiếng Nga).
5. Glazyrin V. A (Chủ biên), (2000) *Xã hội học pháp lý*, Mátxcơva, (bản tiếng Nga).
6. Alekseev S.S. (1998) *Triết học pháp luật*, Mátxcơva, (bản tiếng Nga).
7. Glazyrin V. A (Chủ biên), (2000) *Xã hội học pháp lý*, Mátxcơva, (bản tiếng Nga).